TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 74/2020/DS-PT Ngày 23-12-2020 V/v tranh chấp thừa kế tài sản và quyền sở hữu tài sản.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Thu

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Mai Hương

Ông Lại Văn Tùng

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lã Ngọc Tiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà*:**

Bà Trần Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 61/2020/TLPT-DS ngày 23 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp thừa kế tài sản và quyền sở hữu tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 57/2020/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định bị kháng cáo và bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 154/2020/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Phạm Văn T; sinh năm 1961; địa chỉ: Xóm 3A, xã Hải Minh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn*:

1. Ông Phạm Văn M; sinh năm 1972;

2. Ông Phạm Văn C; sinh năm 1974;

Cùng địa chỉ: Xóm 3A, xã Hải Minh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phạm Thị L; sinh năm 1957; địa chỉ: Xóm 1, xã Hải Anh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

2. Tập đoàn Công nghiệp-Viễn thông Quân đội (Viettel); địa chỉ: Lô D26,

ngõ 3, đường Tôn Thất Thuyết, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Lê Đăng D; chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Vũ Thế H; chức vụ: Cán bộ Phòng Kỹ thuật hạ tầng Viettel Nam Định; địa chỉ: Số 78 đường Đông A, phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Theo văn bản ủy quyền số 906/UQ-NDH ngày 21-5-2020.

3. Bà Nguyễn Thị Th; sinh năm 1940; địa chỉ: Xóm 3A, xã Hải Minh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

4. Bà Phạm Thị T1; sinh năm 1970; địa chỉ: Xóm 1, xã Hải Anh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

5. Bà Phạm Thị Kh; sinh năm 1976; địa chỉ: Xóm Trung Thành, xã Trực Phú, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

6. Bà Phạm Thị X; sinh năm 1978; địa chỉ: Xóm 8, xã Hải Anh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Phạm Văn H; sinh năm 1959; địa chỉ: Xóm 3A, xã Hải Minh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

2. Ông Phạm Xuân H1; sinh năm 1957; địa chỉ: Xóm 8, xã Hải Minh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn: Ông Phạm Văn T.

Quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 10-8-2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm số 57/2020/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông T, ông M, ông C, bà L, bà X, anh H có mặt. Những người tham gia tố tụng khác vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09-12-2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn là Ông Phạm Văn T trình bày:

Ông là cháu ruột của bà Phạm Thị L (bà L chết 2019), bà L có bố đẻ là cụ Phạm Văn Ch (chết năm 1973) và mẹ đẻ là cụ Nguyễn Thị E (chết năm 2002); bà L1 sống độc thân không có chồng, con. Bà L có các anh chị em ruột gồm ông Phạm Văn U (chết năm 2016, là bố đẻ ông), ông Phạm Văn N (chết năm 2009), bà Phạm Thị Q (chết năm 2018), ông Phạm Văn C (chết năm 2018, là bố đẻ ông M, ông C) và bà Phạm Thị L.

Tài sản của bà L1 khi chết để lại gồm thửa đất số 03, tờ bản đồ số 12 (sau đây viết tắt là thửa đất số 03) diện tích 755m^2 (trong đó đất ở 225m^2, đất vườn 490m^2 và đất ao 40m^2) và 407m^2 đất nông nghiệp trồng lúa tại Xóm 3A, xã Hải Minh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; đã được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện Hải Hậu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 554011 ngày 14-12-1999 đứng tên hộ bà Phạm Thị Lê. Nguồn gốc đất là của cụ Chí, cụ Em để lại cho bà L1. Ngoài ra, bà L1 không còn tài sản nào khác, không có nghĩa vụ về tài sản với ai. Hiện ông đang quản lý thửa đất số 03, còn đất nông nghiệp do ông C quản lý.

Khi còn sống, năm 2009 bà L1 ký hợp đồng cho Công ty Viettel Nam Định thuê thửa đất số 03 để đặt trạm phát sóng viễn thông. Ngày 26-01-2010, bà L1 lập di chúc để lại toàn bộ thửa đất số 03 diện tích 755m^2 cho ông được hưởng thừa kế và giao trách nhiệm cho ông lo hương hỏa cho bà L1. Bản di chúc có chữ ký của bà L1, xác nhận của xóm trưởng là ông Phạm Văn H và có xác nhận, đóng dấu của UBND xã Hải Minh. Bản gốc di chúc được bà L1 gửi bố ông cất giữ, yêu cầu không được công bố trước khi bà L1 chết, ông U đã giao lại cho ông trước khi chết. Sau khi bà L1 chết, ông mang di chúc đến UBND xã Hải Minh làm thủ tục kê khai thừa kế, khi cán bộ địa chính xã đến đo đạc đất lập hồ sơ thì ông M, ông C tranh chấp ngăn cản không cho đo đạc và nhận móng nhà trên đất của bà L1 là tài sản của ông Phạm Văn Cần (là bố đẻ ông M, ông C), nên ông đã công khai bản di chúc khi giải quyết tranh chấp. Họ tộc và chính quyền xã đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận bản di chúc lập ngày 26-01-2010 của bà Phạm Thị L1 là hợp pháp và chia di sản thừa kế của bà L1 là quyền sử dụng thửa đất số 03, tờ bản đồ số 12, diện tích 755m^2 tại Xóm 3A, xã Hải Minh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định theo di chúc cho ông được quyền sử dụng; ông không yêu cầu giải quyết về lối đi vì thửa đất của bà L1 liền kề với đất nhà ông, nếu được giao sử dụng ông sẽ tự mở lối đi qua đất nhà ông. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn đòi quyền sở hữu móng nhà, móng bếp cũ trên đất của bà L1, thì ông không công nhận, vì bị đơn không đưa ra được chứng cứ. Đối với hợp đồng thuê đất và tài sản trên đất thuê của Công ty Viettel Nam Định, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết mà hai bên tự thỏa thuận với nhau. Về chi phí xem xét, thẩm định thực địa và định giá tài sản ông nhận nộp toàn bộ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25-02-2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn là ông Phạm Văn M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Nguyễn Thị Th là vợ ông Cần. Bà Phạm Thị T1, bà Phạm Thị Kh, bà Phạm Thị X là con của ông Cần đều ủy quyền cho ông C và ông M tham gia tố tụng giải quyết vụ án. Ông M trình bày:

Ông nhất trí với Ông T về quan hệ huyết thống, về thời điểm bà L1 chết và nguồn gốc tài sản của bà L1 để lại và trình bày việc bà L1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 03 diện tích 755m^2 có nguồn gốc của ông

bà nội ông là cụ Chí, cụ Em để lại, nhưng trước đây bố ông đã được ông bà nội nói miệng cho căn nhà và bếp của ông bà. Bố mẹ ông đã ở một thời gian, sau đó xin cấp thửa đất khác, ở liền kề xây nhà ở riêng, để lại nhà và bếp cho bà L1 sử dụng nhưng không sang nhượng gì. Đến khoảng năm 2013-2014 nhà ở và bếp hư hỏng, bố ông đã rỡ đi chỉ còn móng như hiện nay, bà L1 đã chuyển sang ở cùng nhà bố mẹ ông đến khi chết. Trước khi chết bà L1 có dặn miệng để lại thổ đất của bà L1 cho em trai ông là Phạm Văn C, có nhiều người trong gia đình biết trong đó có cả Ông T nhưng Ông T không có ý kiến gì.

Sau khi, bà L1 chết thì Ông T tự ý đi kê khai thừa kế hưởng đất của bà L1, anh em ông không đồng ý thì Ông T đưa ra bản di chúc nói của bà L1, nhưng anh em ông không nhất trí, vì chưa từng nghe thấy bà L1 nói để lại di chúc, trong khi bà L1 ở với bố mẹ ông cho đến khi chết, được gia đình ông chăm sóc lúc tuổi già ốm đau, trong khi bố con Ông T có mâu thuẫn với bà L1, rào ngõ không cho đi nhờ qua đất, thì lại được bà L1 di chúc cho đất là vô lý. Ông và ông C đã yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của bà L1 trong bản di chúc, kết quả giám định chữ viết trong di chúc không phải của bà L1 nên ông nghi ngờ di chúc là giả mạo.

Nay Ông T khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của bà L1 theo di chúc, ông không nhất trí, ông không yêu cầu chia di sản thừa kế của bà L1. Ông có yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án công nhận quyền sở hữu móng nhà, móng bếp cũ trên đất đã cấp giấy chứng nhận cho bà L1, là tài sản của bố mẹ ông, nếu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật cho bà Phạm Thị L hưởng di sản của bà L1 thì ông xin rút yêu cầu phản tố, để ông và bà L tự giải quyết nội bộ gia đình. Đối với chi phí giám định chữ ký, chữ viết của bà L1 trong bản di chúc, ông và ông C nhận nộp toàn bộ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25-02-2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn là ông Phạm Văn C trình bày thống nhất với lời trình bày và yêu cầu phản tố của ông Phạm Văn M.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25-02-2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị L trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của bị đơn ông Phạm Văn M và ông Phạm Văn C. Bà không công nhận bản di chúc do Ông T đưa ra, không đồng ý với yêu cầu chia thừa kế theo di chúc của Ông Phạm Văn T, bà yêu cầu chia thừa kế di sản của bà Phạm Thị Lê theo pháp luật đối với thửa đất diện tích 755m^2 tại Xóm 3A, xã Hải Minh cho bà được quyền sử dụng. Nếu được chia thừa kế thửa đất của bà L1, bà và Công ty Viettel Nam Định tự giải quyết về việc thuê đất đặt trạm phát sóng; tự giải quyết về yêu cầu đòi móng nhà, móng bếp trên đất bà L1 của ông M, ông C.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21-5-2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Tập đoàn Công nghiệp-Viễn thông Quân đội do ông Vũ Thế H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty Viettel Nam Định đã thuê đất của bà Phạm Thị Lê từ năm 2009 để đặt trạm phát sóng. Tiền thuê theo hợp đồng, trả hàng quý, hoặc theo tháng. Sau khi bà L1 chết thì Công ty ký gia hạn hợp đồng với Ông T vì Ông T có di chúc thừa kế di sản của bà L1. Công ty đã lắp đặt trên đất gồm hạ tầng cột BTS, nhà để thiết bị, nhà để máy nổ. Hiện tại Trạm phát sóng này đang hoạt động bình thường. Quan điểm của Công ty nếu Tòa án quyết định người nào được quyền sử dụng hợp pháp thửa đất của bà L1 thì Công ty sẽ tiếp tục thương lượng ký lại hợp đồng với chủ sử dụng mới. Về tranh chấp thừa kế giữa các đương sự, Công ty không có ý kiến gì.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25-02-2020, người làm chứng ông Phạm Văn H trình bày:

Ông làm xóm trưởng Xóm 3A từ năm 2007 đến nay. Ông biết bà Phạm Thị Lê khi còn sống không có chồng, con và đã ở trên đất của bố mẹ để lại. Ông không biết việc bà L1 làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2017 xã yêu cầu các hộ dân nộp sổ đỏ về xã để điều chỉnh lại đất hai lúa, ông đã trực tiếp thu bản chính giấy chứng nhận của bà L1 nộp cho UBND xã Hải Minh, sau khi chỉnh lý xong năm 2019 xã gửi về xóm để trả lại cho các hộ. Do bà L1 đã chết, sau đó Ông T xuất trình bản di chúc của bà L1, có hỏi ông lấy lại sổ đỏ của bà L1, ông đã báo cáo xã và được xã đồng ý giao cho Ông T mượn bản chính giấy chứng nhận của bà L1 để làm thủ tục kê khai thừa kế. Ông không nhớ chính xác thời gian nhưng có nhớ việc bà L1, ông U (bố đẻ Ông T) mang bản di chúc đã viết sẵn đến nhà ông xin xác nhận với tư cách là xóm trưởng, ông đã xem nội dung bản di chúc thấy phù hợp với phong tục tập quán địa phương, ông hỏi lại ý kiến bà L1, ông U và hai em trai ông U là ông Phạm Văn Cần và ông Phạm Văn Nhạ đều đồng ý với bản di chúc nên ông đã xác nhận vào bản di chúc đó. Khi ông ký vào bản di chúc thì chưa có xác nhận của UBND xã Hải Minh, còn sau đó gia đình bà L1 mang đi xin xác nhận của xã ông không chứng kiến. Ông chưa bao giờ nói chuyện với các anh chị em khác, các cháu của bà L1 về bản di chúc trên. Nay ông đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18-5-2020, người làm chứng ông Phạm Xuân H1 trình bày:

Ông giữ chức vụ chủ tịch UBND xã Hải Minh từ năm 2004 đến năm 2011. Ông công nhận chữ ký và đóng dấu chủ tịch UBND xã Hải Minh trong bản di chúc của bà L1 ngày 26-01-2010 là đúng do ông ký xác nhận. Ông nhớ chính bà L1 là người mang bản di chúc đến trụ sở UBND xã Hải Minh, đề nghị ông xác nhận, nội dung văn bản đã được viết và ký tên trước. Do ông nghĩ đơn giản là đơn của công dân, đã có chữ ký xác nhận của ông Phạm Văn H là xóm trưởng, nên ông đã ký xác nhận mà không tham khảo ý kiến thẩm định của cán bộ chuyên môn.

Theo kết quả xem xét, thẩm định thực địa ngày 20-3-2020, thửa đất số 03 có diện tích là 786m^2; tăng 31m^2 so với diện tích ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà L1, do quá trình sử dụng đã lấn về phía Bắc giáp mương nước.

Kết quả của Hội đồng định giá 01m^2 đất đang tranh chấp có giá trị là 500.000đ/m^2. Các công trình trên đất gồm 01 bể nước có chiều cạnh 1,4m x1,9m x 0,9m đã cũ hỏng, một móng nhà đã cũ có chiều cạnh 5,3m x 8,8m; 01 móng bếp đã cũ có chiều cạnh 6,3m x 3,5m. Các công trình trên không còn giá trị sử dụng nên Hội đồng định giá không định giá.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 57/2020/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đã quyết định. Căn cứ vào các Điều 623, 630, 634, 636, 650, 651 và 660 của Bộ luật Dân sự; các Điều 95, 167, 169 và 170 của Luật Đất đai; các Điều 228, 229, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc của Ông Phạm Văn T.

2. Chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật của bà Phạm Thị L.

Giao cho bà Phạm Thị L được quyền sử dụng thửa đất số 03, tờ bản đồ số 12, diện tích 755m^2 (gồm đất ở 225m^2, đất vườn 490m^2 và đất ao 40m^2) tại Xóm 3A, xã Hải Minh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 554011 ngày 14-12-1999 đứng tên hộ bà Phạm Thị Lê có trị giá là 377.500.000đ. Có vị trí như sau: Phía Đông giáp đất bà Bằng và đất ông Ân dài 35,9m; phía Nam giáp đất Ông T dài 20,5m; phía Tây giáp đất cụ Cần (cụ Tho) dài 33,8m; phía Bắc giáp mương dài 23m. (Có sơ đồ kèm).

Bà L có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được giao sử dụng theo quy định của pháp luật đất đai.

3. Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Phạm Văn M và ông Phạm Văn C về yêu cầu công nhận quyền sở hữu móng nhà, móng bếp trên trên thửa đất số 03, tờ bản đồ số 12 tại Xóm 3A, xã Hải Minh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định do rút yêu cầu tại phiên tòa.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, chi phí thẩm định, định giá, giám định và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05-8-2020 Ông Phạm Văn T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung: Khi lập di chúc bà L1 hoàn toàn minh mẫn, có nguyện vọng sau khi chết để lại di sản cho ông bằng văn bản có ông Phạm Văn Cần, ông Phạm Văn Ứng là anh trai bà L1 làm chứng. Ông Phạm Văn H là trưởng xóm 3 và ông Phạm Xuân H1 là Chủ tịch xã Hải Minh xác nhận, do bà L1 trực tiếp đến xin

xác nhận nên di chúc hợp pháp cả về hình thức và nội dung. Sau khi bà L1 chết, ông đã đến UBND xã Hải Minh mở thừa kế và xã đã niêm yết công khai bản di chúc không có ai khiếu kiện gì. Toà án đã trưng cầu giám định chữ ký của bà L1, kết quả giám định chữ ký trong bản di chúc là của bà L1. Cấp sơ thẩm bác đơn khởi kiện của ông là không có căn cứ. Ông C và ông M cho rằng bà L1 hấp hối chết nói để lại mảnh đất cho ông C là không đúng, gây bất lợi cho ông, bản thân ông là cháu đích tôn, bà L1 để lại cho ông là đúng. Vì vậy, ông kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án để bảo vệ quyền lợi cho ông.

Tại Quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 10-8-2020 Viện kiểm sát huyện Hải Hậu kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm số 57/2020/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Tòa án huyện Hải Hậu với nội dung: Năm 2010 bà L1 lập di chúc tự tay ký và mang đến chính quyền địa phương xác nhận, nội dung di chúc không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Tại thời điểm bà L1 lập di chúc hoàn toàn minh mẫn, sáng suốt. Việc xác định người làm chứng chỉ để đảm bảo tính khách quan trong việc lập di chúc, không ảnh hưởng đến nội dung di chúc. Kết quả trưng cầu giám định xác định chữ ký, chữ viết tại mục người viết di chúc tại bản di chúc ngày 26-01-2010 là của bà L1. Bà L1 không trực tiếp viết di chúc và không ký trước sự chứng kiến của ông Huy, ông Hiểu nhưng đã mang bản di chúc đến gặp trực tiếp ông Huy, ông Hiểu ký xác nhận, các anh trai bà L1 gồm ông U và ông Cần đã làm chứng và đồng ý với nội dung di chúc. Chứng minh thư nhân dân cấp năm 1978 cũng cấp chính cho bà L1. Do vậy, bản di chúc ngày 26-01-2010 của bà L1 là di chúc bằng văn bản, có người làm chứng và có chứng thực phù hợp với các quy định tại các Điều 624, 625, 626, 628, 630, 631, 632, 634, 635 Bộ luật dân sự năm 2015. Đề nghị Tòa án tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng phân tích trên để bảo đảm đúng pháp luật và quyền lợi ích hợp pháp của đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Ông Phạm Văn T trình bày về nội dung kháng cáo là ông không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông, cho rằng bản di chúc của bà L1 để lại không hợp pháp và ông nhất trí với quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát huyện Hải Hậu đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Ông Phạm Văn M trình bày: Ông cho rằng bản di chúc lập ngày 26-01-2010 do Ông T nộp cho Tòa án là không hợp pháp vì chữ viết trong nội dung di chúc và chữ ký, chữ viết tại mục người viết di chúc trong bản di chúc không đồng nhất. Chứng minh thư nhân dân cấp cho bà L1 là do Công an nhân dân tỉnh Hà Nam Ninh không phải Công an tỉnh Nam Định cấp. Khi bà L1 ốm nhưng còn tỉnh táo đã họp gia đình nói cho mảnh đất của bà L1 cho ông C.

Ông Phạm Văn C nhất trí với lời trình bày của ông M.

Bà Phạm Thị L nhất trí với lời trình bày của ông M và bổ sung trước khi chết bà L1 có nói cho mảnh đất của bà L1 cho ông C vì gia đình ông C đông người.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm. Về đường lối giải quyết vụ án, sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Ông Phạm Văn T và kháng nghị của Viện kiểm sát huyện Hải Hậu, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận bản di chúc của bà L1 là hợp pháp và phân chia di sản của bà L1 là quyền sử dụng đất thửa đất số 03 tờ bản đồ số 12 diện tích 755m^2 tại xóm 3A, xã Hải Minh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định theo di chúc. Án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Phạm Văn C và ông Phạm Văn M đã rút yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án công nhận quyền sở hữu móng nhà và móng bếp trên thửa đất số 03 tờ bản đồ số 12 là của bố mẹ các ông là cụ Cần. Bản án sơ thẩm đã đình chỉ yêu cầu phản tố của ông M và ông C. Sau khi xét xử sơ thẩm các đương sự không kháng cáo về việc đình chỉ yêu cầu phản tố. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Th là vợ ông Cần và bà Phạm Thị T1, bà Phạm Thị Kh đều là con của ông Cần đều vắng mặt, xét thấy sự vắng mặt của bà Tho, bà Tám và bà Khuyên không ảnh hưởng tới việc kháng cáo và kháng nghị, do vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Bà Phạm Thị Lê không có chồng, không có con quá trình sinh sống ở với bố mẹ là cụ Phạm Văn Chí và cụ Nguyễn Thị Em. Cụ Chí và cụ Em có 05 người con là ông Phạm Văn Ứng chết năm 2018, ông Phạm Văn Nhạ chết năm 2009, bà Phạm Thị Quế chết năm 2008, ông Phạm Văn Cần chết năm 2018, bà Phạm Thị L và bà Phạm Thị Lê chết năm 2019. Năm 1975 cụ Chí chết, bà L1 ở cùng với cụ Em, năm 2019 cụ Em chết bà L1 ở một mình, do nhà xuống cấp hư hỏng nặng đã tháo dỡ và bà L1 sang ở cùng gia đình ông Cần là anh trai bà L1.

[3] Theo lời trình bày thống nhất của các đương sự và căn cứ các tài liệu địa chính được thu thập trong hồ sơ vụ án thì bà L1 có tài sản riêng là thửa đất số 03, tờ bản đồ số 12, diện tích 755m^2 (trong đó đất ở 225m^2, đất vườn 490m^2 và đất ao 40m^2) và 407m^2 đất nông nghiệp trồng lúa tại Xóm 3A, xã Hải Minh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; đã được UBND huyện Hải Hậu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 554011 ngày 14-12-1999 đứng tên hộ bà Phạm Thị Lê. Nguồn gốc đất là của bố mẹ bà L1 là cụ Chí, cụ Em để lại. Sau khi, bà L1

chết, Ông Phạm Văn T là con trai của ông Phạm Văn Ứng quản lý sử dụng thửa đất số 03, còn diện tích đất nông nghiệp do ông Phạm Văn C là con trai của ông Phạm Văn Cần quản lý sử dụng. Các đương sự chỉ tranh chấp thừa kế đối với thửa đất số 03, không yêu cầu chia thừa kế đối với đất nông nghiệp.

[4] Theo kết quả xem xét, thẩm định thực địa ngày 20-3-2020 thì thửa đất số 03 có diện tích đo thực tế là 786m^2; tăng 31m^2 so với diện tích ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà L1, do quá trình sử dụng đã lấn về phía Bắc giáp mương nước. Phần diện tích tăng thêm này chưa được kê khai đăng ký biến động theo quy định pháp luật nên chưa có quyền sử dụng hợp pháp. Do đó chỉ có căn cứ xác định bà L1 có quyền sử dụng hợp pháp diện tích 755m^2 đất tại thửa số 03 tại xã Hải Minh.

[5] Quá trình giải quyết vụ án ông C và ông M có đơn phản tố cho rằng công nhận quyền sở hữu móng nhà, móng bếp cũ trên đất đã cấp giấy chứng nhận cho bà L1 là tài sản của bố mẹ các ông, nhưng ông C và ông M không đưa ra tài liệu chứng cứ, chứng minh, theo kết quả thẩm định tại chỗ và định giá thì móng nhà và móng bếp cũ không còn giá trị sử dụng nên Hội đồng định giá không định giá. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông C và ông M xin rút yêu cầu phản tố cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông C và ông M.

[6] Xét bản di chúc ngày 26-01-2010: Quá trình giải quyết vụ án Ông T cung cấp bản gốc di chúc viết tay lập ngày 26-01-2010 có chữ ký đứng tên bà Phạm Thị Lê, chữ ký của ông Phạm Văn H là xóm trưởng xóm 3A và có xác nhận, đóng dấu của UBND xã Hải Minh do ông Phạm Xuân H1 nguyên chủ tịch UBND xã ký. Ông M, ông C và bà L không công nhận bản di chúc trên là của bà L1 để lại.

[7] Theo bản kết luận giám định số 562/KLGĐ-PC09 ngày 01-6-2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định kết luận chữ ký, chữ viết "Lê, Phạm Thị Lê" dưới mục người viết di chúc so với chữ ký, chữ viết đứng tên Phạm Thị Lê trong hai tài liệu mẫu là bản "Hợp đồng thuê vị trí đặt trạm viễn thông" ngày 30-3-2009 và bản "Phụ lục hợp đồng thuê mặt bằng" ngày 10-10-2013 là do cùng một người ký, viết ra. Chữ viết bằng mực đen tại mặt trước bản di chúc so với chữ viết đứng tên Phạm Thị Lê trên hai tài liệu mẫu không phải do cùng một người viết ra. Như vậy, theo kết luận giám định thì bà L1 có ký tên trong bản di chúc ngày 26-01-2010 nhưng phần nội dung bản di chúc thì không phải do bà L1 tự viết.

[8] Căn cứ vào lời khai của ông Phạm Văn H là Xóm trưởng xóm 3A bút lục số 72 xác nhận chính bà L1 đã mang bản di chúc sang nhờ ông Huy ký xác nhận, ông Huy đã đọc di chúc hỏi lại bà L1 đồng ý, nên ông Huy đã xác nhận vào bản di chúc và tại phiên tòa sơ thẩm bút lục số 170, ông Huy khẳng định ông U và ông Cần cùng bà L1 mang bản di chúc sang nhà ông Huy đề nghị ông xác nhận vào di chúc. Căn cứ lời khai của ông Phạm Xuân H1 (nguyên chủ tịch UBND xã Hải Minh) bút lục số 75 ông Hiểu xác định chính xác bà L1 mang bản

di chúc viết sẵn đến UBND xã Hải Minh xin xác nhận, ông Hiểu thấy có chữ ký của ông Phạm Văn H là xóm trưởng nên ông Hiểu đã ký xác nhận.

[9] Như vậy, về hình thức tuy bà L1 không tự viết nội dung di chúc mà nhờ người khác viết, không ký vào di chúc trước mặt ông Huy và ông Hiểu nhưng sau khi lập di chúc bà L1 đã trực tiếp đến gặp ông Huy là Xóm trưởng và ông Hiểu là Chủ tịch xã để xác nhận, chứng thực vào di chúc điều đó thể hiện tại thời điểm lập di chúc bà L1 hoàn toàn minh mẫn, tỉnh táo và không bị lừa dối cưỡng ép và việc bà L1 lập di chúc hoàn toàn tự nguyện là phù hợp với điểm a khoản 1 Điều 630 BLDS.

[10] Khi còn sinh sống bà L1 có tài sản là thửa đất số 03 có diện tích 755m^2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm1999 mang tên bà L1. Tại bản di chúc ngày 26-01-2010 bà L1 đã để lại thửa đất cho Ông T thừa tự và hương hỏa cho bà L1. Như vậy, về nội dung di chúc ngày 26-01-2010 của bà L1 không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; hình thức di chúc không trái với quy định của pháp luật mà phù hợp với điểm b khoản 1 Điều 630 BLDS.

[11] Như vậy, di chúc của bà L1 được thể hiện bằng văn bản có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã Hải Minh và di chúc đã thể hiện ý chí và nguyện vọng của bà L1 trước khi chết là để lại mảnh đất thuộc quyền quản lý sử dụng của bà L1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1999 cho Ông T thừa tự và Ông T có trách nhiệm hương hỏa cho bà L1. Do vậy, di chúc bà L1 lập ngày 26-01-2010 là hợp pháp.

[12] Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm và chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu và kháng cáo của Ông T. Giao cho Ông T được hưởng di sản của bà L1 để lại là 755m^2 thuộc thửa số 03 tờ bản đồ số tờ bản đồ số 12 tại Xóm 3A, xã Hải Minh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 554011 ngày 14-12-1999 đứng tên hộ bà Phạm Thị Lê có trị giá là 377.500.000đ. Có vị trí phía Đông giáp đất bà Bằng và đất ông Ân dài 35,9m; phía Nam giáp đất Ông T dài 20,5m; phía Tây giáp đất ông Cần (bà Tho) dài 33,8m; phía Bắc giáp mương dài 23m. (Có sơ đồ kèm).

[13] Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm Ông T không phải nộp hoàn lại cho Ông T số tiền đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu.

[14] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 623, Điều 630, Điều 635 của Bộ luật Dân sự; Điều 167 của Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ông Phạm Văn T và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu. Sửa bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Phạm Văn T và công nhận bản di chúc của bà Phạm Thi Lê lập ngày 26-01-2010 là hợp pháp.

2. Không chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật của bà Phạm Thị L.

Giao cho Ông Phạm Văn T được quyền sử dụng thửa đất số 03, tờ bản đồ số 12, diện tích 755m^2 (gồm đất ở 225m^2, đất vườn 490m^2 và đất ao 40m^2) tại Xóm 3A, xã Hải Minh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 554011 ngày 14-12-1999 đứng tên hộ bà Phạm Thị Lê . Có vị trí phía Đông giáp đất bà Bằng và đất ông Ân dài 35,9m; phía Nam giáp đất Ông T dài 20,5m; phía Tây giáp đất ông Cần (bà Tho) dài 33,8m; phía Bắc giáp mương dài 23m. (Có sơ đồ kèm).

Ông T có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án và theo quy định của pháp luật.

3. Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Phạm Văn M và ông Phạm Văn C về yêu cầu công nhận quyền sở hữu móng nhà, móng bếp trên trên thửa đất số 03, tờ bản đồ số 12 tại Xóm 3A, xã Hải Minh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định do rút yêu cầu tại phiên tòa sơ thẩm.

4. Về chi phí tố tụng: Ông T nhận nộp toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản là 3.568.000 đồng. Ông T đã nộp xong.

Ông M và ông C nhận nộp chi phí giám định là 2.000.000 đồng. Ông M và ông C đã nộp xong.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông T không phải nộp hoàn lại cho Ông T số tiền đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ theo biên lai số 0002254 ngày 07-8-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu.

6. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông T không phải nộp, hoàn lại cho Ông T số tiền đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2017/0001952 ngày 09-01-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu.

Trả cho ông M và ông C số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2017/0002181 ngày 10-6-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Phạm Thị L.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Hải Hậu;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

Vũ Thị Thu